

TÍNH SÁNG TẠO CỦA TRIẾT HỌC MÁC THỰC CHẤT VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

DINH NGỌC THẠCH(*)

Để làm rõ thực chất và ý nghĩa lịch sử trong tính sáng tạo của triết học Mác, trong bài viết này, tác giả đã đưa ra và luận giải việc C.Mác đã kế thừa có chọn lọc và phát triển sáng tạo di sản văn hoá nhân loại, nhất là lịch sử tư tưởng triết học nhân loại, gắn kết với thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản toàn thế giới và những thành tựu mới của khoa học, gắn kết hữu cơ chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng để tạo nên một học thuyết cách mạng về giải phóng con người, giải phóng xã hội. Với tư cách một hệ thống lý luận chặt chẽ nhưng lại mang tính mở, triết học Mác vẫn giữ nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa cách mạng của nó trong thời đại ngày nay, vẫn là công cụ nhận thức và cải tạo thế giới của nhân loại tiến bộ, là cơ sở lý luận và kim chỉ nam cho mọi hành động của chúng ta trong công cuộc đổi mới đất nước.

1. Triết học Mác ra đời từ những năm 40 của thế kỷ XIX, khi mà trong văn hoá châu Âu quá trình phi cổ điển hoá đã đạt được kết quả bước đầu, với sự hình thành những mô típ mới của sáng tạo, khác với truyền thống cổ điển thời kỳ Hy Lạp – La Mã cổ đại. Về triết học, quá trình phi cổ điển hoá gắn liền với sự hình thành hai khuynh hướng chủ đạo – phi duy lý và thực chứng – khoa học. Cả hai khuynh hướng này đều từ bỏ cách tiếp cận đã tồn tại suốt hàng ngàn năm đối với các vấn đề triết học. Khuynh hướng thứ nhất gắn liền với tên tuổi của A.Schopenhauer - cha đẻ của triết học sự sống và ý chí luận. Khuynh hướng thứ hai gắn với A.Comte - người khởi xướng chủ nghĩa thực chứng xã hội học. Đối với Comte, các khái niệm triết học chủ đạo của siêu hình học truyền thống, như vật chất, tồn tại, tinh thần, ý thức, cái phổ quát, cũng như cuộc tranh luận triền miên

xung quanh vấn đề tính có trước và tính có sau trong quan hệ vật chất – ý thức là mơ hồ và vô giá trị trước những đòi hỏi của sự phát triển khoa học, nhận thức. Vì vậy, ông chủ trương vượt qua cả chủ nghĩa duy vật lẫn chủ nghĩa duy tâm, xác lập *con đường thứ ba* trong triết học, hướng triết học vào các vấn đề của khoa học cụ thể, trước hết là khoa học thực nghiệm, nhằm *kiểm chứng* các luận điểm triết học thông qua tính hiệu quả, tính khách quan theo cách hiểu của ông. Ngược lại, trong ý chí luận của mình, A. Schopenhauer xem ý chí như sức mạnh thiết định sự tồn tại của thế giới. Là đối thủ tư tưởng của Heghen, Schopenhauer đã phê phán chủ nghĩa duy lý truyền thống và xem lý trí chỉ như kẻ phụng sự ý chí. Sự xoay chiều tư tưởng ấy ở Schopenhauer có lý do sâu xa, trước hết là từ hiện thực bi

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

kịch của nước Đức và những thất bại, những uẩn khúc trong đời sống riêng tư của bản thân ông. Triết học Schopenhauer sau cách mạng dân chủ tư sản đã ảnh hưởng đáng kể đến giới trẻ có học thức ở Đức và Tây Âu, và cùng với các nhà triết học kế tiếp – S.Kierkegaard, F.Nietzsche đã tạo nên cái trục phi duy lý của triết học phi cổ điển – hiện đại phương Tây.

Ở Đức, trong khi Kierkegaard chối bỏ chủ nghĩa duy lý của Heghen để đi vào mặc khải Thiên Chúa, thì N.Stirner, một đại biểu của phái Heghen trẻ – lại kết hợp hệ thống Heghen với chủ nghĩa cá nhân triệt để. Và trong khi Kierkegaard cố gắng thoát hẳn khỏi truyền thống cổ điển, thì N.Stirner lại không thể vượt qua hệ thống Heghen, mà tái thiết nó theo tinh thần của cái Tôi. Vào năm 1948, khi C.Mác và Ph.Ăngghen công bố *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, thì cũng trong khoảng thời gian đó, Kierkegaard xuất bản cuốn *Đối thoại Kitô giáo*, với nội dung chủ yếu là chống lại chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa vô thần.

Chính trong bối cảnh đó, thái độ đối với truyền thống, cụ thể là đối với hệ thống Heghen, đã có ý nghĩa quyết định đối với sự hình thành bản chất của triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập. Thay vì sự chối bỏ, C.Mác và Ph.Ăngghen nhấn mạnh tính kế thừa có chọn lọc tinh hoa tri thức nhân loại, từ cổ đại đến các bậc tiền bối trực tiếp, nhưng không hoà lẫn vào dòng chảy của chủ nghĩa nhân văn phương Tây như E.Fromm – một đại diện của trường phái Frankfurt - đã làm, mà thực hiện bước

ngoặt cách mạng trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Yếu tố nào đóng vai trò chủ đạo trong sự lựa chọn cách tiếp cận đó của C.Mác và Ph.Ăngghen? Theo chúng tôi, đó là *phép biện chứng*. Ngay từ khi C.Mác và Ph.Ăngghen còn đứng trên lập trường duy tâm, phép biện chứng trong triết học cổ điển Đức, từ Kant đến Heghen, đặc biệt là phép biện chứng Heghen, vẫn có sức lôi cuốn mạnh mẽ nhất. Trong diện mạo văn hóa của chủ nghĩa Mác luôn bao hàm nguyên tắc kế thừa và phát triển, sự đánh giá nghiêm túc và khoa học đối với di sản văn hóa tinh thần nhân loại, được cô đọng trong các học thuyết triết học, từ Cổ đại đến Cận đại, đồng thời xác định triết học như một “tinh hoa về mặt tinh thần của thời đại”(1). Không chỉ thế, C.Mác còn nhấn mạnh rằng, “các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất, họ là sản phẩm của thời đại mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh tế nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học”(2).

Có thể nói, việc tiếp cận với môi trường văn hóa sống động của châu Âu nói chung, nước Đức nói riêng và xa hơn nữa, việc làm quen với di sản văn hóa đồ sộ của nhân loại, đã tạo nên bản chất cách mạng và giàu tính nhân văn cho triết học Mác nói riêng, chủ nghĩa Mác nói chung. Mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa Mác là giải phóng con người và tạo ra môi trường cho sự sáng

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.157.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd*, t.1, tr.156.

tạo tự do của con người, hay nói như C.Mác và Ph.Ăngghen, tạo ra môi trường sáng tạo cho những Raphaen của thời đại(3). Điều quan trọng là, những bài học rút ra từ việc tìm hiểu, nhận thức các giá trị văn hóa nhân loại đã thôi thúc những người sáng lập chủ nghĩa Mác tìm kiếm con đường hiện thực của sự giải phóng con người khỏi áp bức, bất công, đưa lịch sử tiến về phía trước. Trong triết học Mác, ngay từ lúc mới hình thành, chức năng hệ tư tưởng đã không tách rời chức năng văn hóa. T.I.Ôigiecmán cho rằng, khi đề cập đến chức năng hệ tư tưởng của triết học Mác, chúng ta cần nhấn mạnh tính định hướng của nó đối với giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống ý thức hệ tư sản; song, chớ nên quên rằng, triết học Mác đã kế thừa những gì tốt đẹp nhất trong triết học tư sản cổ điển, mà đó lại chính là những yếu tố đã đóng góp vào kho báu tinh thần của nhân loại. Thái độ hư vô chủ nghĩa của phái "Văn hóa vô sản" đối với lịch sử chẳng khác nào đồng nhất triết học Mác với hệ tư tưởng, phủ nhận tính kế thừa trong sự phát triển tư duy(4).

Triết học Mác, cũng như các học thuyết triết học khác, không thể hình thành một cách tự phát. Để tạo nên một hệ thống lý luận chặt chẽ, nó phải cần đến một khối lượng công việc khoa học đồ sộ, sự hoạt động nghiên cứu không mệt mỏi của tư duy, sự nhận thức thấu đáo về mặt lý luận toàn bộ thành tựu khoa học và kinh nghiệm đấu tranh xã hội của các thời đại lịch sử. Bước ngoặt cách mạng trong triết

học Mác; đương nhiên, gắn liền một cách biện chứng với việc nắm bắt các thành tựu tư duy lý luận và văn hóa của nhân loại. Trong *Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác*, V.I.Lênin đã chỉ rõ rằng, mọi toan tính xem xét chủ nghĩa Mác bên ngoài con đường phát triển của văn hóa nhân loại, biến nó thành một học thuyết biệt phái, "đóng kín và cứng nhắc, nảy sinh ở ngoài con đường phát triển vĩ đại của văn minh thế giới" đều là biểu hiện của cách tiếp cận mang tính xuyên tạc, trái với chân lý(5). Các thành quả của tư tưởng nhân loại, trong đó có triết học luôn chứa đựng những vấn đề đòi hỏi phải có cả lời giải đáp mới lần những "hạt nhân hợp lý" mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã sử dụng như tiền đề lý luận của mình.

2. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, ngay từ những dòng đầu tiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã viết: "Một bóng ma đang ám ảnh châu Âu: bóng ma của chủ nghĩa cộng sản. Tất cả những thế lực của châu Âu cũ... đều đã liên hợp lại thành một liên minh thần thánh để trừ khử bóng ma đó"(6). Điều đó cho thấy, ngay từ khi mới ra đời, chủ nghĩa Mác đã trở thành một nỗi "ám ảnh" đối với "châu Âu cũ" và do vậy, sự đánh giá về C.Mác, cũng như chủ nghĩa

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd*, t.3, tr.574.

(4) T.I.Ôigiecmán. *Những vấn đề của khoa học lịch sử triết học*. Nxb Tư tưởng, Mátxcova, 1982, tr.248 (tiếng Nga).

(5) Xem: V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.23. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, tr.49 – 50.

(6) C.Mác và Ph. Ăngghen. *Sđd*, t.4, tr. 595.

Mác đã trở thành điểm nóng của diễn đàn tư tưởng trong suốt gần hai thế kỷ qua.

Sự đánh giá của các nhà tư tưởng phương Tây hiện đại về chủ nghĩa Mác không đồng nhất do thiên hướng chính trị của họ. Có thể kể đến ba biểu hiện:

1) Xuyên tạc bản chất của chủ nghĩa Mác, xem chủ nghĩa Mác là một dị biệt, hay “chủ nghĩa bè phái”,

2) Trung lập hoá C.Mác, đặt tư tưởng của C.Mác trong dòng chảy của chủ nghĩa nhân văn truyền thống, hoà tan C.Mác vào dòng chảy đó; hoặc phân tích tư tưởng của C.Mác một cách phiến diện, chỉ chú trọng đến những nội dung có liên quan tới việc phê phán xã hội, nhưng lại hạ thấp thế giới quan duy vật biện chứng và dự báo khoa học.

3) Đối lập C.Mác với các nhà mácxít khác, tách C.Mác khỏi Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, xem sự phát triển của chủ nghĩa Mác ở Liên Xô, các nước Đông Âu là chủ nghĩa Mác đã bị biến dạng.

Bên cạnh đó, vẫn có nhiều nhà nghiên cứu phương Tây đánh giá nghiêm túc học thuyết của C.Mác, đặc biệt nhấn mạnh tính mở, tính sáng tạo của chủ nghĩa Mác. Chẳng hạn, trong *Những bóng ma của Mác*, nhà tương lai học người Pháp - G.Đêrîđa (Jacques Derrida) đã suy nghĩ như thế, khi ông phê phán hiện tượng “đóng vai Mác” để chống lại Mác, vô hiệu hóa một “sức mạnh tiềm tàng” và qua đó, khẳng định chủ nghĩa cực quyền đã làm cho “tinh thần mácxít trải qua những cơn đau lịch sử”(7). Theo ông, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các

nước Đông Âu là sự già từ một mô hình, chứ không phải sự đoạn tuyệt đối với một di sản mà giá trị của nó, thể hiện ở tinh thần phê phán và sự “cứu thế mới”, “sự khai sáng như một đảm bảo cho tương lai”. Với quan điểm đó, ông kêu gọi: “chúng ta hãy trở lại với C.Mác, chúng ta hãy đọc ông như đọc một nhà triết học vĩ đại”(8) và nói thêm rằng, cần đọc phần sinh động nhất, cách mạng nhất, phần mở hướng cho cuộc sống. Khi nhấn mạnh một trong những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa Mác là tính mở và tính sáng tạo không ngừng, G.Đêrîđa đã đem đối lập “chủ nghĩa Mác của Mác” với “chủ nghĩa Mác bị xuyên tạc”, hay chủ nghĩa Mác giáo điều và qua đó, khẳng định sự khác nhau giữa chủ nghĩa Mác “nguyên bản” với chủ nghĩa Mác bị xuyên tạc” là ở chỗ, cái thứ nhất lấy thực tiễn làm tiền đề xuất phát, còn cái thứ hai thì ngược lại. Hơn thế nữa, ông còn khẳng định rằng, bằng sự phân tích sắc sảo của mình, C.Mác đã chứng minh rằng, chủ nghĩa tư bản, với tất cả những mâu thuẫn nội tại của nó, không phải là sự lựa chọn cuối cùng của nhân loại.

Trên thực tế, “những vết loét” của xã hội tư sản, trong đó có tình trạng tha hoá con người, được C.Mác luận giải trong nhiều tác phẩm của ông, không hề mất đi, mà ngược lại, còn trở nên phổ biến và sinh sôi nảy nở trong cái gọi là “trật tự thế giới mới” hôm nay. Đó là: 1) từ nạn thất nghiệp theo

(7) G.Đêrîđa. *Những bóng ma của Mác*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 207 – 208, 218

(8) G.Đêrîđa. *Sdd.*, tr.78.

nghĩa truyền thống đến “nạn thất nghiệp mới” và “nạn nghèo đói mới” trong cuộc cạnh tranh toàn cầu hiện đại; 2) tình trạng vô gia cư, không quốc tịch gắn với thí nghiệm mới về lãnh thổ quốc gia và công dân; 3) chiến tranh kinh tế trên phạm vi toàn cầu đã và đang chi phối quan niệm thực tế về luật pháp quốc tế và sự thực thi luật pháp quốc tế một cách không bình đẳng và thiếu nhất quán; 4) sự bất lực trong việc chế ngự những mâu thuẫn về khái niệm, chuẩn mực và thực tế của thị trường tự do, sự can thiệp của các nước phát triển vào các nước đang phát triển vì lợi ích vị kỷ của họ; 5) sự gia tăng tình trạng nợ nước ngoài và những cơ chế gắn liền với nó làm cho một phần lớn nhân loại bị đói và bị đẩy tới tình trạng thất vọng; 6) nền công nghiệp vũ khí và tình trạng buôn bán vũ khí chi phối cả các hoạt động nghiên cứu khoa học – mâu thuẫn giữa nghiên cứu vì lợi ích dân sinh và nghiên cứu nhằm hoàn thiện phương tiện giết người hàng loạt; 7) tình trạng phát tán vũ khí nguyên tử đang đe dọa sự tồn vong của nhân loại; 8) chiến tranh sắc tộc dưới chiêu bài bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia; 9) quyền lực ngày càng lớn và vô hạn mang tính toàn cầu của những nhà nước ma, siêu hiệu lực và đặc biệt tư bản chủ nghĩa tức maphia và côngxoócxiom buôn bán ma túy trên tất cả các lục địa; 10) tình trạng nhất thời, không bền vững của luật pháp quốc tế và các thiết chế của nó do những khác biệt về văn hoá và sự khống chế của một số nước lớn(9).

Có thể nói, những đánh giá của G.Đêrîda về C.Mác là những đánh giá đầy

tính thuyết phục về mặt lịch sử. Thật vậy, ngay trong hai tác phẩm viết chung đầu tiên - *Gia đình thần thánh* và *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra tuyên ngôn về triết học mới thay cho thứ triết học “bay lượn cao trên cuộc sống”, tức triết học tư biện của Hêghen và phái Hêghen trẻ. Phê phán đồ thức luận lôgic của Hêghen, C.Mác và Ph.Ăngghen nhấn mạnh rằng, không phải cuộc sống diễn ra theo những đồ thức luận sẵn có của tư duy mà ngược lại, những đồ thức luận ấy cần thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn luôn biến đổi. Và, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, các ông đã đề cập đến sự vận dụng sáng tạo các nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản vào điều kiện cụ thể của mỗi nước với những chiến lược và sách lược thích hợp(10).

Như vậy, ở bình diện nhận thức và hoạt động thực tiễn, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác luôn nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới thường xuyên phương thức tiến hành cách mạng vô sản, không chấp nhận sự khuôn mẫu, giáo điều, cũng như tư tưởng phiêu lưu chính trị dưới những biến tướng tinh vi của nó, như chủ nghĩa tự do cấp tiến và chủ nghĩa vô chính phủ trong một số tổ chức công nhân. Phép biện chứng duy vật khi được vận dụng vào việc phân tích tiến trình lịch sử – xã hội và hiện thực hoá các lý tưởng dân chủ, nhân văn, đã trở thành minh chứng sống động cho tính mở và tính sáng tạo của chủ nghĩa Mác. Chẳng phải ngẫu nhiên mà nhà triết học Đanien

(9) Xem: G.Đêrîda. *Sdd.*, tr.172 – 177.

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.4, tr. 627.

Benxaidơ đã nhấn mạnh tính “vượt trước thời đại” của C.Mác là ở chỗ, C.Mác đã phát minh ra “cách viết mới về lịch sử”. “Cách viết mới” ấy không xem xét lịch sử như những “lát cắt” tách rời nhau, đứt đoạn, thiếu những mối liên hệ và tác động lẫn nhau giữa các thời đại, hoặc rơi vào quan điểm tất định luận mỹ miều, theo kiểu “sau cái này ắt là cái kia”, hoặc “thi vị hóa” lịch sử, biến lịch sử thành bản trường ca của tinh thần phổ biến, siêu việt, “hoàn toàn lý tưởng chủ nghĩa”. Quá trình “tư duy lại tư duy” đồng nghĩa với việc công phá những tàn tích bảo thủ cuối cùng của hệ thống Hêghen, được cải biến trong phái Hêghen trẻ. Benxaidơ viết : “Vấn đề từ nay là phải xem xét lịch sử một cách nghiêm túc, không còn với tính cách là sự trừu tượng hóa tôn giáo, trong đó những cá nhân sống là những sinh vật thấp hèn, mà với tính cách là sự phát triển hiện thực của những quan hệ xung đột nhau”(11). “Cách viết mới về lịch sử” của C.Mác, một mặt, xuất phát từ *phương thức sản xuất xã hội*, căn cứ vào đó mà nhận thức quy luật xã hội phổ biến, chi phối sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội; mặt khác, vượt qua lối mòn của cách tiếp cận máy móc – siêu hình và quan niệm duy tâm về lịch sử vốn thống trị trong lịch sử tư tưởng Cận đại.

3. Thực tiễn cách mạng thế giới kể từ khi C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện bước ngoặt cách mạng trong lịch sử tư tưởng nhân loại, đến khi chủ nghĩa Mác được kế thừa và vận dụng vào điều kiện cụ thể của cách mạng ở nhiều nước trên thế giới đã cho phép chúng ta khẳng định rằng, chủ

nghĩa Mác là một hệ thống mở. Tính mở này được chứng minh không chỉ bằng những suy luận thuần túy lý thuyết, mà thông qua hoạt động thực tiễn của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của các Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế, không chỉ bằng những lời biện minh theo quan điểm “chính thống”, mà được chính những nhà Mác học phương Tây, những người không đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác, thừa nhận và đánh giá cao. Chủ nghĩa Mác mà phép biện chứng là “linh hồn sống” của nó, về thực chất, không chấp nhận chủ nghĩa giáo điều dưới bất kỳ hình thức nào.

Hiện nay, trên phạm vi toàn thế giới, chủ nghĩa Mác vẫn tiếp tục tồn tại dưới dạng “trẻ hóa”, theo cách nói của Đêrida, sau khi vượt qua những cơn đau lịch sử, và tiếp tục khẳng định sức sống của nó ở thế kỷ XXI. Vấn đề đặt ra ở đây là, liệu chủ nghĩa giáo điều, hay ít ra là những biến tướng của nó, có còn ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển xã hội trong điều kiện hiện nay không?

Theo chúng tôi, nguy cơ đáng kể hiện nay là sự hiện diện của thứ chủ nghĩa giáo điều tinh vi, được nguy trang bằng những ngôn từ khoa học, song trên thực tế lại cản trở sự nghiệp cách mạng, công cuộc đổi mới của nhân dân các nước, các dân tộc đang phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Liên Xô đã cho thấy, cái giá phải trả của quá trình từ chủ nghĩa giáo điều sang

(11) Đ.Benxaidơ. *Mác - người vượt trước thời đại*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 37.

chủ nghĩa phiêu lưu chính trị, xa rời các nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa Mác. Chúng ta đã rút ra được nhiều bài học quý giá từ quá khứ, vượt qua cơn chấn động chính trị, vững bước đi lên, đạt được nhiều thành công trong sự nghiệp đổi mới, từ lĩnh vực kinh tế đến chính trị, xã hội, văn hoá, từ đối nội đến đối ngoại. Những thành công đó chứng tỏ sự nhận thức và vận dụng đúng đắn biện chứng của cái phổ biến và cái đặc thù, vừa chủ động và tích cực hội nhập với thế giới, phù hợp với xu thế vận động chung của lịch sử, vừa kiên định sự lựa chọn con đường phát triển dựa trên những nét đặc thù lịch sử và điều kiện cụ thể của đất nước. Tuy nhiên, về mặt nhận thức, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân do những nguyên nhân khác nhau, trong đó có cả sức ỳ của thói quen truyền thống và hậu quả của thời kỳ trì trệ, những yếu tố giáo điều, bảo thủ vẫn còn tồn tại, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội. Không khó nhận ra những biến thái của chủ nghĩa giáo điều. Căn bệnh giáo điều có thể do hạn chế về nhận thức, không đủ khả năng tiếp thu, nắm bắt cái mới và vận dụng nó vào cuộc sống. Sự hạn chế về trình độ nhận thức dẫn đến những ngộ nhận về giá trị, về các chuẩn mực, chấp nhận cái sẵn có một cách máy móc, thiếu tinh thần phê phán. Để sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên, chúng ta luôn cần đến những đột phá trong lĩnh vực tư duy lý luận, khuyến khích tinh thần phê phán, xác lập cơ chế phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách, đường lối

của Đảng và Nhà nước, xoá dần những vùng cấm không đáng có, chấm dứt tình trạng “bao sân” về lý luận, ngăn chặn cả những biểu hiện giáo điều, không tưởng chính trị, căn bệnh cố chấp, áp đặt lẫn chủ nghĩa phiêu lưu chính trị, không chỉ chống “diễn biến hòa bình”, mà còn phải cảnh giác đối với “tự diễn biến hòa bình” dưới những biến thái tinh vi.

Chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa bảo thủ và chủ nghĩa duy tâm chính trị cũng là những biểu hiện của sự lệch hướng, của “tự diễn biến hòa bình” về mặt lý luận, bởi chúng xa rời “linh hồn sống” của chủ nghĩa Mác – phép biện chứng duy vật. Do vậy, “tiếp tục đổi mới tư duy, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kịp thời làm sáng tỏ hơn những vấn đề bức xúc về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta... Chú trọng nâng cao tính khoa học, tính thực tiễn và sự mạnh dạn khám phá, sáng tạo trong công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận”(12) cần phải được coi là những định hướng cơ bản, thiết yếu trong quá trình đấu tranh chống lại những biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. □

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 284.